

Số: 26 /CT-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính

Ngày 25 tháng 11 năm 2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người phải thi hành án không thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Sau 03 năm triển khai thực hiện, tình hình chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước đã có những chuyển biến và đạt được những kết quả nhất định; công tác theo dõi thi hành án hành chính của Hệ thống Thi hành án dân sự đã được triển khai, từng bước đi vào nền nếp.

Tuy nhiên, tình hình chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước vẫn còn những tồn tại, hạn chế, điển hình là việc không ít các vụ kiện người đại diện không tham gia phiên Tòa theo triệu tập của Tòa án; số lượng bản án hành chính đã có hiệu lực chưa được thi hành ngày càng tăng qua các năm. Nguyên nhân chủ yếu là do: Ý thức chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính của người đứng đầu cơ quan hành chính chưa nghiêm; việc xử lý trách nhiệm của cán bộ, công chức để xảy ra sai phạm trong việc tham mưu, ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính và trong việc thi hành án hành chính chưa được thực hiện hiệu quả.

Để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và kiến nghị sau giám sát của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội về công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính, thi hành án hành chính; khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế trong việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính ở bộ, ngành, địa phương thuộc phạm vi quản lý.

b) Chấp hành nghiêm Điều 55, 60 và Điều 78 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 về trách nhiệm tham gia phiên tòa, tham gia đối thoại, giải trình và cung cấp kịp thời, đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến quyết định hành chính,

hành vi hành chính bị khởi kiện theo đúng quy định. Xác định đối thoại là giải pháp quan trọng nhằm giải quyết dứt điểm bức xúc, khiếu kiện của tổ chức, cá nhân.

c) Thi hành, chỉ đạo thi hành nghiêm túc và dứt điểm các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật; khắc phục ngay tình trạng tồn đọng các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng không được thi hành. Đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực thi hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 (theo Phụ lục đính kèm), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có Kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thi hành dứt điểm vụ việc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả trước ngày 30 tháng 3 năm 2020.

d) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trong việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính; xử lý nghiêm trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có vi phạm trong việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và pháp luật khác có liên quan.

đ) Nâng cao chất lượng, bảo đảm việc ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh khiếu kiện như đất đai, xây dựng, xử lý vi phạm hành chính; chủ động kiểm tra, rà soát, xử lý kịp thời các sai phạm trong việc ban hành, thực hiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, coi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên của bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, giải quyết dứt điểm những vướng mắc của công dân, tổ chức đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền trong bộ máy hành chính nhà nước.

e) Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thi hành án hành chính của địa phương, báo cáo Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chính phủ về công tác thi hành án hành chính.

2. Bộ Tư pháp:

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giúp Chính phủ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và quản lý nhà nước về thi hành án hành chính; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch thống kê, theo dõi, tổng kết công tác thi hành án hành chính để báo cáo Chính phủ.

b) Tăng cường tổ chức các Đoàn kiểm tra liên ngành về chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý nghiêm trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ,

cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có vi phạm trong việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và pháp luật khác có liên quan

c) Chỉ đạo hệ thống thi hành án dân sự theo dõi 100% bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính có nội dung theo dõi do Tòa án chuyển giao; phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức đăng tải công khai thông tin người phải thi hành án không chấp hành án hành chính theo quy định. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị cho đội ngũ Chấp hành viên để nâng cao chất lượng theo dõi việc thi hành án hành chính.

d) Tiếp tục rà soát các quy định của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ, kịp thời báo cáo Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả trên thực tế.

3. Thanh tra Chính phủ:

Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tập trung đối với những địa phương có khiếu kiện hành chính phức tạp, số lượng án hành chính phải thi hành lớn.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Tập trung làm rõ nguyên nhân và có giải pháp giải quyết căn cơ để khắc phục những bất cập, sơ hở làm phát sinh khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, nhất là trong quá trình rà soát, đánh giá việc thi hành Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp với Bộ Tư pháp, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường thông tin, tuyên truyền nhằm tạo nhận thức thống nhất, đầy đủ về các quy định của Luật tổ Tụng hành chính năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức nhà nước và các tầng lớp nhân dân.

6. Bộ Nội vụ:

a) Bổ sung tiêu chí về chất lượng ban hành các quyết định hành chính, thực hiện các hành vi hành chính; hoàn thành nghĩa vụ thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính trong việc xét thi đua, khen thưởng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp.



b) Tăng cường kiểm tra hoạt động công vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những sai phạm, góp phần hạn chế phát sinh khiếu nại, tố cáo, khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

c) Phối hợp với Bộ Tư pháp tham mưu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý trách nhiệm đối với lãnh đạo các bộ, ngành, lãnh đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không chấp hành nghiêm bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực thi hành.

7. Văn phòng Chính phủ

Thực hiện đăng tải công khai, kịp thời thông tin người phải thi hành án là Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

8. Đề nghị Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cơ quan của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường giám sát việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân.

9. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao:

Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực thi hành; hướng dẫn thống nhất việc ra quyết định buộc thi hành án hành chính trong hệ thống Tòa án. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan liên quan trong công tác quản lý nhà nước về thi hành án hành chính; chỉ đạo Tòa án nhân dân các cấp chuyển giao kịp thời bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính cho cơ quan thi hành án dân sự để theo dõi theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015

10. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

Chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp tăng cường kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính; xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực thi hành và phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý nhà nước về thi hành án hành chính.

11. Đề nghị Tỉnh ủy, Thành ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát đối với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân trong việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính.



12. Tổ chức thực hiện

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị này.

b) Bộ trưởng Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, V.I (2b).TVS 172



Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục
CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC
TRƯỚC NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2016 CHƯA ĐƯỢC THI HÀNH XONG
(Kèm theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)



1	Người phải thi hành án	Bản án, quyết định phải thi hành	Thời điểm có hiệu lực	Nghĩa vụ phải thi hành án	Quyết định buộc thi hành án
1	2	3	4	5	6
1	Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bản án số 06/HC-ST ngày 15/7/2008 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Bản án số 31/HC-PT ngày 24/9/2008 của Tòa phúc thẩm TANDTC tại TPHCM	24/9/2008	Hủy Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 18/4/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung thiệt hại về đất cho ông Phạm Ngọc Dũng ở phường 6, TP. Vũng Tàu. Hủy Quyết định số 4678/QĐ-UBND ngày 21/12/07 của Chủ tịch UBND tỉnh về giải quyết khiếu nại. Giao UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết bồi thường cho ông Phạm Ngọc Dũng.	05/QĐ-THAHC ngày 11/12/2017 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
2	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bản án số 09/2013/HC-ST ngày 17/12/2013 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định số 62/2014/HC-PT-QĐ ngày 06/5/2014 của Toà phúc thẩm TANDTC tại TPHCM	6/5/2014	Hủy Quyết định số 2581/QĐ-UB ngày 21/5/2004 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thu hồi, huỷ bỏ, thay thế Quyết định số 71/QĐ-UBT ngày 17/01/1994 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về giải quyết tranh chấp giữa bà Lê Thị Cường và bà Nguyễn Thị Vịnh; buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện, nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.	01/QĐ-THAHC ngày 20/10/2016 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
3	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bản án số 07/2014/HC-ST ngày 14/8/2014 TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Bản án số 19/2015/HC-PT ngày 09/3/2015 của Toà phúc thẩm TANDTC tại TPHCM	9/3/2015	Hủy Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 02/02/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thu hồi 4613,2 m ² đất tại đường Bình Giã, Phường 8, TP Vũng Tàu do Công ty du lịch dịch vụ dầu khí Việt Nam không có nhu cầu sử dụng và tự nguyện trả lại đất. Buộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện thủ tục công nhận quyền sử dụng đất cho VCSB đối với diện tích 4613,2 m ² ở số 141 Bình Giã (nay là 198), phường 8, TP Vũng Tàu tại Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 02/02/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Buộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải bồi hoàn cho VCSB giá trị 153776,5 m ² đất làm mặt bằng để SXKD (thuộc nhóm đất SX, KD phi nông nghiệp) theo khung giá đất của UBND tỉnh tại thời điểm thi hành án.	02/QĐ-THAHC ngày 20/10/2016 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

4	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bản án số 04/2010/HC-ST ngày 27/9/2010 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Bản án số 05/2011/HC-PT ngày 20/01/2011 của TAND cấp cao tại TP HCM	20/01/2011	Hủy bỏ một phần Quyết định số 13550/QĐ-UBND ngày 15/5/2004 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thu hồi diện tích đất 324,1 m ² không bồi thường để UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định khác đúng pháp luật.	02/QĐ-THAHC ngày 15/3/2017 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
5	Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương	Bản án số 03/2015/HC-ST ngày 14/4/2015 của TAND tỉnh Bình Dương Bản án số 85/2016/HC-PT ngày 22/6/2016 của TANDCC tại TP HCM	22/6/2016	Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chi Văn và bà Vương Tố Phi về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính, cụ thể: Hủy Quyết định số 1635/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của UBND tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 24/3/2009 và khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.	
6	Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau	Bản án số 69/2012/HC-PT ngày 08/8/2012 của Tòa án nhân dân Tối cao	8/8/2012	Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông La Hồng Hiệp. Hủy Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 31/10/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau. Buộc thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật.	01/2017/QĐ-CA 04/01/2017 ngày của TAND tỉnh Cà Mau
7	UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Bản án số 06/2011/HC-PT ngày 14/4/2011 của TAND tỉnh Đắk Lắk	14/4/2011	Hủy một phần Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Nâng cấp mở rộng đường vào nhà ga hàng không Buôn Ma Thuột đối với hộ ông Nguyễn Hoàng Sang.	
8	UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Bản án số 05/2011/HC-PT ngày 14/4/2011 của TAND tỉnh Đắk Lắk	14/4/2011	Hủy một phần Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Nâng cấp mở rộng đường vào nhà ga hàng không Buôn Ma Thuột đối với hộ ông Tạ Đình Vui.	
9	UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Bản án số 04/2011/HC-PT ngày 14/4/2011 của TAND tỉnh Đắk Lắk	14/4/2011	Hủy một phần Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Nâng cấp mở rộng đường vào nhà ga hàng không Buôn Ma Thuột đối với hộ ông Bùi Đức Diên và bà Chu Thị Hồng Loan.	

10	UNND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Bản án số 12/2012/HC-PT ngày 20/8/2012 của TAND tỉnh Đắk Lắk	20/8/2012	Hủy một phần Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 17/11/2006 của UNND thành phố Buôn Ma Thuột về việc phê duyệt phương án bồi thường, đối với ông Nguyễn Bá Triệu và bà Ngô Tú Trân.	
11	UBND thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	Bản án số 05/2014/HC-ST ngày 18/9/2014 của TAND thị xã Sơn Tây	18/10/2014	Hủy một phần Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND thị xã Sơn Tây về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án nhà ở Phú Thịnh giai đoạn 1 (Điều chỉnh bổ sung quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 7/3/2007 của UBND tỉnh Hà Tây) đối với hộ gia đình ông Mai Lục.	01/QĐ-THA ngày 09/10/2017 của TAND thị xã Sơn Tây
12	UBND phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Bản án số 01/2015/HC-ST ngày 13/5/2015 của TAND thị xã Hồng Lĩnh; Bản án số 05/2015/HC-PT ngày 24/8/2015 của TAND tỉnh Hà Tĩnh;	24/8/2015	Buộc UBND phường Đậu Liêu phải làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Bùi Quang Chức.	01/2016/QĐBTHBAHC ngày 13/9/2016 của TAND thị xã Hồng Lĩnh
13	Giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh Kiên Giang	Bản án số 17/2013/HC-ST ngày 31/12/2013 của TAND tỉnh Kiên Giang	14/01/2014	Công nhận cho hộ bà Nguyễn Hòa Bình được tiếp tục nhận khoán với Ban quản lý rừng An Biên - An Minh theo hợp đồng giao khoán và bảo vệ rừng, gây trồng rừng phòng hộ và biên bản giao nhận khoán ngày 07/6/2004 diện tích 13,4 hecta thuộc ấp Cán Gáo, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, Kiên Giang. Hộ bà Bình phải chấp hành quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng.	
14	Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Bản án số 12/2016/HC-ST ngày 10/6/2016 của TAND huyện Phú Quốc	25/6/2016	Buộc Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc phải giải quyết việc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và giải quyết việc hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà Nguyễn Thị Hạnh.	QĐ số 09/2016/QĐ-THAHC ngày 08/12/2016 của TAND huyện Phú Quốc
15	Chủ tịch UBND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Bản án số 01/HC-ST ngày 14/4/2016 của TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	14/5/2016	Hủy toàn bộ công văn hành chính số 255/UBND-TNMT ngày 13/3/2014 của Chủ tịch UBND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân là trái pháp luật; buộc người có thẩm quyền của UBND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang thực hiện trách nhiệm công vụ theo quy định của pháp luật.	

16	UBND huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Bản án số 08/2016/HC-ST ngày 27/5/2016 của TAND huyện Phú Quốc	13/6/2016	Hủy các Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 18/01/2011; Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 18/01/2011; Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 của UBND huyện Phú Quốc về thu hồi đất đối với ông Đỗ Văn Thor; Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 21/01/2011; Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 21/01/2011 của UBND huyện Phú Quốc về bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với ông Đỗ Văn Thor.	Quyết định số 06/QĐ-THAHC ngày 28/10/2016 của TAND huyện Phú Quốc
17	UBND thành phố Tân An, tỉnh Long An	Bản án số 70/2014/HC-PT ngày 22/9/2014 của TAND tỉnh Long An	22/9/2014	Hủy quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của UBND thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), tỉnh Long An lấy 6,2 m ² đất từ thửa số 276, tờ bản đồ số 10 của bà Nguyễn Thị Nguyệt Nga để giao cho ông Cao Văn Hoa.	
18	UBND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Bản án số 02/2013/HC-PT ngày 12/3/2013 của TAND tỉnh Quảng Nam	12/3/2013	Hủy Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 của UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) về việc bồi thường bổ sung cho hộ ông bà Phạm Thị Lang (Lan) và Trịnh Văn Năm.	
19	Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang	Bản án số 66/2016/HC-PT ngày 10/6/2016 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	6/10/2016	Buộc UBND Tiền Giang có trách nhiệm ban hành quyết định khác theo đúng trình tự pháp luật quy định trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.	02/2018/QĐ-TA ngày 16/7/2018 của TAND tỉnh Tiền Giang
20	UBND Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bản án số 1365/2015/HC-PT ngày 30/9/2015 của TAND TP Hồ Chí Minh	30/9/2015	Hủy một phần các Quyết định: Quyết định số 10160/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 5979/QĐ-UBND-TTr ngày 02/5/2012 của Chủ tịch UBND Quận 2, buộc UBND Quận 2 bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với phần diện tích đất ở tự chuyển đổi mục đích trước ngày 20/12/2001. UBND Quận 2 điều chỉnh lại giá trị bồi thường hỗ trợ cho bà Phạm Thị Thùy theo quy định của pháp luật.	
21	UBND Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh	Bản án số 397/2016/HC-PT ngày 30/3/2016 của TAND TP Hồ Chí Minh	30/3/2016	Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị Lệ Thu về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 09/6/2010 và Quyết định số 2838/QĐ-UBND-BT ngày 14/11/2012 của UBND Quận 12.	Số 01/QĐ-TA ngày 26/10/2016 của TAND Quận 12